TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **177**/2023/DS-PT
Ngày: 21/8/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn

Bà Nguyễn Thị Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2023/TLPT-DS, ngày 24 tháng 7 năm 2023, về: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".Do bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Võ Hoàng A, sinh năm 1992. Vắng mặt

2.2. Bà Giang Thị Yến N, sinh năm 1993. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Ông Bùi Thanh H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1981. Có mặt

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Khả N1, sinh năm 1988. Có mặt

Địa chỉ: Tổ A, khu phố S, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị B1 – là bị đơn.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số phúc thẩm số 79/QĐ-VKS-DS, ngày 14/6/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn Ông Võ Hoàng A, bà Giang Thị Yến N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 21/5/2020 bà Nguyễn Thị B1 có vay của ông Võ Hoàng A và bà Giang Thị Yến N số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Hai bên có lập hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng huyện H, bà B1 có thế chấp một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà B1 cho ông Hoàng A giữ. Sau khi vay, bà B1 không trả gốc cũng không đóng lãi mà bỏ đi khỏi địa phương một thời gian dài, không liên lạc được. Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 29/3/2022, ông Hoàng A và bà N yêu cầu bà B1 trả gốc và lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 341.300.000 đồng. Trong thời gian Tòa án thụ lý, do không liên lạc được với bà B1 nên vào tháng 7/2022, bà Nguyễn Thị Khả N1 (là em gái bà B1) có đứng ra xin ông Hoàng A bớt một phần lãi. Tính đến tháng 7/2022, bà B1 nợ ông Hoàng A và bà N số tiền lãi và gốc là 357.900.000 đồng. Lúc này ông Hoàng A đồng ý chỉ tính tròn số tiền 300.000.000 đồng với điều kiện bà N1 phải trả dần hàng tháng cho ông Hoàng A, mỗi tháng sẽ là 20.000.000 đồng trong số tiền 300.000.000 đồng, đồng thời trả thêm 10.000.000 đồng tiền lãi của số tiền 300.000.000 đồng cho ông Hoàng A để trong vòng 15 tháng là dứt điểm và ông Hoàng A sẽ trả cho bà N1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà B1. Tuy nhiên sau đó bà Như k thực hiện đúng lời hứa, chỉ trả được 4 tháng bằng 120.000.000 đồng và không trả nữa.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị B1 phải có trách nhiệm trả cho ông Võ Hoàng A và bà Giang Thị Yến N số tiền gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay 21/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 36 tháng với lãi suất 1,66%/tháng. Số tiền lãi là 250.000.000đ x 1,66% x 36 tháng = 149.400.000 đồng. Tổng cộng gốc lãi là 399.400.000 đồng, khấu trừ số tiền bà N1 đã đứng ra trả cho bà B1 được 4 tháng bằng 120.000.000 đồng nên bà B1 còn phải trả cho ông Hoàng A và bà N số tiền là 279.400.000 đồng (399.400.000 đồng - 120.000.000đ).

- Theo bị đơn bà Nguyễn Thị B1 trình bày: Bà thừa nhận có vay của Hoàng A số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Sau khi vay em bà là Khả N1 có đóng lãi cho Hoàng A rất nhiều, liên tục khoảng 2 năm. Sau khi ra Tòa ông Hoàng A đã đồng ý cho Khả N1 đứng ra trả tổng số nợ 300.000.000 đồng. Khả Như đã trả được cho Hoàng A số tiền 130.000.000 đồng, sau đó có xin Hoàng A chậm 1, 2 tháng để lo tiền trả nhưng Hoàng A không chịu. Nay bà B1 chỉ đồng ý trả cho Hoàng A số tiền còn lại là 170.000.000 đồng (300.000.000đ – 130.000.000đ)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Khả N1 trình bày: Bà thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị Bích . Sau khi Hoàng A kiện bà B1 ra Tòa thì bà đã trả cho Hoàng A số tiền 130.000.000 đồng, trong đó

chuyển khoản 120.000.000 đồng và đưa tiền mặt tại nhà 10.000.000 đồng. Nay Hoàng A nói chỉ nhận 120.000.000 đồng là không đúng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hoàng A và bà Giang Thị Yến N. Buộc bà Nguyễn Thị B1 có trách nhiệm trả cho ông Võ Hoàng A và bà Giang Thị Yến N số tiền gốc và lãi là 279.400.000 đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng)

2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 968084 cấp ngày 09/12/2008 đứng tên bà Nguyễn Thị B1, đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang khi bà B1 thanh toán xong số nợ cho nguyên đơn.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 13/6/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị B1 có đơn kháng cáo với nội dung: Về tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là chưa đúng quan hệ pháp luật, do khi vay thì bà có thế chấp và cầm cố giấy CNQSD đất. Yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa bà với ông Hoàng A, bà N là vô hiệu. Buộc ông Hoàng A, bà N giao trả giấy CNQSD đất; Khấu trừ số tiền đã trả là 130.000.000đ vào tiền gốc và lãi là 300.000.000đ, tổng số tiền bà còn nợ là 170.000.000đ.

Theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 79/QĐ-VKS-DS, ngày 14/6/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang kháng nghị với nội dung: Cấp sơ thẩm cho rằng việc thỏa thuận chưa có sự đồng ý của bà N là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N, bà N1 không trả nợ như thỏa thuận nên không chấp nhận sự thoả thuận giữa các bên là chưa xem xét khách quan toàn diện vụ án. Buộc bà N1 trả số tiền gốc và lãi là 279.400.000đ là vi phạm nghiêm trọng về nội dung. Bởi vì Tòa án không xác định trong tổng số tiền 279.400.000đ thì bà B1 trả gốc là bao nhiêu và trả lãi là bao nhiêu, đồng thời tính lãi đến ngày xét xử là chưa phù hợp do bị đơn đã trả được nợ gốc nhưng không trừ vào tiền gốc. Việc ghi nhận sự tự nguyện trả lại giấy CNQSD đất là không phù hợp. Vì nếu vậy thì khi nào bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ mới trả giấy chứng nhận thì sẽ ảnh hưởng đến quá trình thi hành án, sẽ không thể xử lý được tài sản để thi hành án nếu phải kê biên chính thửa đất này vì nguyên đơn không giao giấy chứng nhận. Đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bà B1 trả số tiền gốc là 180.000.000đ và tiền lãi từ ngày 14/01/2023 đến ngày xét xử. Buộc nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận cho bà B1 ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Sửa lại phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Đại diện nguyên đơn trình bày*: Nay chỉ yêu cầu bà B1 trả nợ gốc và lãi số tiền là 220.000.000đ, Các khoản tiền bà N1 đã trả gốc lãi được xem như khấu trừ

vào số nợ. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Hoàng A và bà N đồng ý trả lại cho bà B1 sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- *Bị đơn bà B1 trình bày*: Thống nhất trả số tiền nợ theo yêu cầu của nguyên đơn là 220.000.000đ. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N1 trình bày*: Thống nhất với việc bà B1 còn nợ và phải trả cho nguyên đơn số tiền là 220.000.000đ, đồng thời không có yêu cầu gì đối với số tiền mà bà đã trả thay cho bà B1 và xem như đã khấu trừ vào số nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và hướng đề nghị giải quyết: Do các đương sự đã tự thỏa thuận về số tiền nợ bà B1 phải có nghĩa vụ trả là 220.000.000đ, phía ông Hoàng A và bà N trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi án có hiệu lực, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST, ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về nội dung vụ án như sau*: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tự nguyện thỏa thuận số tiền ông Hoàng A, bà N yêu cầu bà B1 phải trả là 220.000.000đ, bà B1 cũng chấp nhận và đồng ý trả số tiền này. Đối với số tiền bà N1 đã trả thì xem như đã khấu trừ xong vào số nợ nên không xem xét giải quyết lại. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 968084, cấp ngày 09/12/2008 đứng tên bà Nguyễn Thị B1 thì ông Hoàng A, bà N đồng ý trả lại cho bà B1 sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, các đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết vấn đề gì khác.

[2] *Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị B1, và nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:* Do các đương sự tự thỏa thuận về số tiền nợ gốc, lãi và thống nhất số tiền bà B1 còn nợ và phải có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng A, bà N là 220.000.000đ. Đối vơi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà B1 thế chấp cho ông Hoàng A thì ông Hoàng A, bà N sẽ trả lại cho bà B1 sau khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng công nhận thoả thuận của các đương sự. Vì vậy, kháng cáo của bà B1 và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất về việc sửa bản án sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, tại cấp phúc thẩm có cơ sở công nhận sự thoả thuận của các đương sự. Thống nhất với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất. Chấp nhận kháng cáo của bà B1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST, ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo hướng công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

[4] *Về án phí dân sự*:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Bà B1 phải có nghĩa vụ nộp án phí với số tiền là 11.000.000đ (220.000.000đ x 5%).

Ông Hoàng A và bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Là 300.000đ, do bà B1 kháng cáo được cấp phúc thẩm chấp nhận nên không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 300, khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích .

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST, ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo hướng công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của ông Võ Hoàng A, bà Giang Thị Yến N - người dại diện theo ủy quyền là ông Bùi Thanh H với bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị Khả N1 về việc: Bà Nguyễn Thị Bích p thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Võ Hoàng A, bà Giang Thị Yến N số tiền còn nợ là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, ông Võ Hoàng A, bà Giang Thị Yến N phải trả lại cho bà Nguyễn Thị B1 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 968084, cấp ngày 09/12/2008 đứng tên bà Nguyễn Thị Bích . Đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. *Về án phí dân sự*:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng). Buộc bà Nguyễn Thị B1 phải nộp.

Hoàn trả cho ông Võ Hoàng A và Giang Thị Yến N2 tạm ứng án phí với số tiền là 8.532.500đ (Tám triệu năm trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng), theo lai thu số 0007766 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B1 tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ, theo biên lai thu số 0009990, ngày 14/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Hòn Đất;
- THA dân sự huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Bích Vân